

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN PHONG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN PHONG TRADE SERVICE AMD IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108232327

3. Ngày thành lập: 12/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 33 ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: *nguyenphongtrading@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659
2.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

5.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
6.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
7.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
8.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
9.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
10.	Bán buôn tổng hợp	4690
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
18.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
24.	Quảng cáo	7310
25.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
26.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
27.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
33.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
34.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

35.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
36.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
38.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
39.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
41.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
42.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
43.	Dịch vụ đóng gói	8292
44.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
45.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
46.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
47.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
51.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
52.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
56.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
57.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
58.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
59.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
60.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
61.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
62.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
63.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
64.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
65.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
68.	Xây dựng nhà các loại	4100
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

71.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
72.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
73.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
74.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
75.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
76.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
77.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
78.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
79.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
80.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
81.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
82.	Phá dỡ	4311
83.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
87.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ chuyển phát)	4799
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
89.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
92.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
93.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
94.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
95.	Xây dựng công trình công ích	4220
96.	Bán buôn gạo	4631
97.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

98.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
99.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
100.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh.	8299(Chính)
102.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
103.	Hoạt động thể thao khác	9319
104.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
105.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
106.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
107.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
108.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
109.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
110.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
111.	In ấn	1811
112.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
113.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý	4610
114.	Bán buôn thực phẩm	4632
115.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ TRUNG KIÊN	Số 33 ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.500.000.000	90,000	001074000922	
2	NGUYỄN THỊ HẠNH	Thôn An Đẽ, Xã Hiệp Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	500.000.000	10,000	151520031	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ TRUNG KIÊN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *27/06/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001074000922*

Ngày cấp: *11/03/2014*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 33 ngõ 88 Trần Quý Cáp, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P301 Nhà N06B1 đường Thành Thái, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**